TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Hà Vính
2. Ông Mai Văn Đảm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Quách Thị S; Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Anh Bùi Văn L; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2022 và bản tự khai ngày 31/8/2022 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 19/12/2002, vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh L không chịu khó chăm lo làm ăn mà thường xuyên giao lưu bạn bè để uống rượu. Mỗi lần say rượu lại chửi bới vợ con, khiến cho chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh L vẫn không thay đổi được tính nết. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thị A, sinh ngày 09/01/2001 và Bùi Anh Q, sinh ngày 25/7/2011. Hiện cháu A đã thành niên, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q sau khi ly hôn và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2022, anh Bùi Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị S chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 19/12/2002 vợ chồng đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận bình thường, chưa có gì mâu thuẫn sâu sắc. Bản thân anh thừa nhận cũng thường xuyên giao lưu bạn bè và hay uống rượu và có hay nói vợ con nhưng chưa bao giờ đánh đập vợ con. Tuy nhiên, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, anh L không đồng ý ly hôn với chị S mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị A, sinh ngày 09/01/2001 và Bùi Anh Q, sinh ngày 25/7/2011. Hiện nay cháu A đã thành niên, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Q, do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con, cả hai vợ chồng sẽ có trách nhiệm cùng nuôi con.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị S được ly hôn anh Bùi Văn L; Về con chung: Giao hai cháu Bùi Anh Q, sinh ngày 25/7/2011 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Nguyên đơn là chị Quách Thị S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa, chị S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị S và anh L.

[4]. Về hôn nhân: Chị Quách Thị S và anh Bùi Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 19/12/2002, vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị S và anh L là tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thêm vào đó, anh L thường xuyên uống rượu và say xỉn nên không chăm lo được cho gia đình và vợ con. Việc này, cả chị S và anh L đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh L mong muốn được đoàn tụ nhưng chị S nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Quách Thị S được ly hôn anh Bùi Văn L.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Hiện cháu A đã thành niên, chị S và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Còn cháu Q, xét thấy bản thân cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, mặt khác anh L lại hay uống rượu say nên việc chăm sóc con cái sẽ khó chu đáo. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu Q cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

[6]. Về tài sản: Chị S và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị S được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh Q, sinh ngày 25/7/2011 chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị S đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007751, ngày 30/8/2022. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Quách Thị S và anh Bùi Văn L. Anh L và chị S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc